

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Số: 31 /KL-TTr

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục
ngành nghiệp tại Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 27/QĐ-TTr ngày 02/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là GDNN) tại Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội, từ ngày 15/01/2024 đến ngày 18/01/2024, Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh tại Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội (sau đây gọi là Trường); thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 29/01/2024 của Trường đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội.

- Số tài khoản 21210002191968, mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Tây Hồ.

- Người đại diện theo pháp luật: bà Trần Thị Mỹ Hằng, Chức vụ: Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội.

2. Địa chỉ

2.1. Trụ sở chính

Khu đô thị bắc Cổ Nhuế - Chèm, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0247 305 1212 Email: tuyensinh.hn@caodangvietmy.edu.vn

- Website: <https://caodangvietmyhanoi.edu.vn>

2.2. Phân hiệu/cơ sở đào tạo/địa điểm đào tạo

a) Địa điểm đào tạo thứ nhất (địa chỉ): phố Trịnh Văn Bô, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0247 305 1212 Email: ensinh.hn@caodangvietmy.edu.vn

b) Địa điểm liên kết đào tạo (địa chỉ): Lô NT2 khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0247.305.1212 Email: tuyensinh.hn@caodangvietmy.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: tư thực, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội.

4. Quyết định thành lập/cho phép thành lập/đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Quyết định thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội số 8021/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định đổi tên Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội thành Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội số 1388/QĐ-LĐTĐ ngày 10/12/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ.

5. Hội đồng trường/Hội đồng quản trị; Quy chế tổ chức, hoạt động; Hiệu trưởng

5.1. Hội đồng quản trị

Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội là trường cao đẳng tư thực do Công ty Cổ phần Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội sở hữu, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2, Điều 12 của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Khoản 2 Điều 14 của Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về Điều lệ trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH). Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn Hội đồng quản trị Trường.

5.2. Quy chế tổ chức, hoạt động

Đã ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường (Quyết định số 16F/2022/QĐ-CĐVM ngày 12/01/2022 của Hiệu trưởng).

5.3. Hiệu trưởng

- Bà Trần Thị Mỹ Hằng, được Bộ trưởng Bộ LĐTBXH công nhận chức danh Hiệu trưởng tại Quyết định số 21/QĐ-LĐTĐ ngày 11/01/2022.

- Bà Trần Thị Mỹ Hằng đã được đào tạo nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục GDNN cấp cho bà Trần Thị Mỹ Hằng theo Quyết định số 550/QĐ-TCGDNN ngày 01/9/2020.

6. Giấy chứng nhận đăng ký (đăng ký bổ sung) hoạt động giáo dục nghề nghiệp: trình độ đào tạo/ngành nghề/quy mô đào tạo

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 52/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/8/2023 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp:

+ Tại trụ sở chính: Khu đô thị bắc Cổ Nhuế - Chèm, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội:

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm nghề sơ cấp: Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			
1	Chăm sóc da		40	Sơ cấp
II	Nhóm nghề sơ cấp: Nhân văn			
1	Tiếng Trung giao tiếp cơ bản		30	Sơ cấp
III	Nhóm nghề sơ cấp: Kinh doanh và quản lý			
1	Nghiệp vụ bán hàng		30	Sơ cấp

+ Tại địa điểm đào tạo: phố Trịnh Văn Bô, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội:

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin			
1	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6840202	25	Cao đẳng
		5840202	25	Trung cấp
2	Thiết kế trang web	6480214	25	Cao đẳng
II	Nhóm ngành, nghề Mỹ thuật ứng dụng			
1	Thiết kế đồ họa	6210402	25	Cao đẳng
III	Nhóm ngành nghề Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài			
1	Tiếng Hàn Quốc	6220211	30	Cao đẳng
IV	Nhóm ngành, nghề Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm			
1	Tài chính doanh nghiệp	6340201	20	Cao đẳng
V	Nhóm ngành, nghề Quản lý công nghiệp			
1	Quản lý công nghiệp	6510601	20	Cao đẳng
VI	Nhóm ngành, nghề Khách sạn, nhà hàng			
	Quản trị khách sạn	5810201	25	Trung cấp
VII	Nhóm ngành, nghề Dịch vụ thẩm mỹ			
1	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	20	Cao đẳng
		5810404	30	Trung cấp
VIII	Nhóm ngành, nghề Kinh doanh			
1	Nghiệp vụ bán hàng	5340119	25	Trung cấp
IX	Nhóm ngành, nghề Quản trị - Quản lý			
1	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	5340417	25	Trung cấp

- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 52a/2023/GDNĐKHĐ-TCGDNN ngày 01/12/2023 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp: Liên kết đào tạo tại Lô NT2 khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội:

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Kinh doanh			
1	Nghiệp vụ bán hàng	6340119	50	Cao đẳng
II	Nhóm ngành, nghề Quản trị - Quản lý			
1	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	6340417	50	Cao đẳng
III	Nhóm ngành, nghề Khách sạn, nhà hàng			
1	Quản trị khách sạn	6810201	50	Cao đẳng
IV	Nhóm ngành nghề Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài			
1	Tiếng Trung Quốc	6220209	70	Cao đẳng
2	Tiếng Nhật	6220212	70	Cao đẳng
3	Phiên dịch Tiếng Anh thương mại	6220202	75	Cao đẳng
V	Nhóm ngành, nghề Kinh doanh và quản lý			
1	Marketing	6340116	75	Cao đẳng

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Cơ sở vật chất

1.1. Diện tích đất sử dụng

Căn cứ các tài liệu do Trường cung cấp (Giấy chứng nhận đầu tư số 01121001035 ngày 10/10/2011 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội; Quyết định số 1083/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chi tiết quy hoạch xây dựng Trường với diện tích đất là 14.757 m²; Hợp đồng thuê mặt bằng số 03/2021/DNT/HĐKT ngày 23/02/2021 giữa Công ty TNHH công nghệ DURABLE NEWTECH và Trường với diện tích thuê là 3.800 m²; Văn bản thỏa thuận giữa Công ty TNHH công nghệ DURABLE NEWTECH và Trường ngày 08/02/2022 về việc sử dụng mặt bằng với diện tích là 1.305 m²; Hợp đồng liên kết đào tạo số 21/HĐLK-VK-CĐVM ngày 01/10/2023 giữa Hệ thống giáo dục VIETKIDS và Trường về việc thuê địa điểm đào tạo với diện tích 5.000 m²), tại thời điểm thanh tra, tổng diện

tích đất Trường đang sử dụng là 24.862m^2 , đảm bảo diện tích đất sử dụng tối thiểu đối với trường cao đẳng thuộc khu vực đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2018/NĐ-CP).

1.2. Diện tích sàn xây dựng

Tổng diện tích là 10.105m^2 , cụ thể:

a) Tại trụ sở chính (địa chỉ: Khu đô thị bắc Cổ Nhuế - Chèm, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội): Trường đang xây dựng cơ sở vật chất, chưa tổ chức đào tạo tại địa chỉ này.

b) Tại địa điểm đào tạo (địa chỉ: phố Trịnh Văn Bô, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội), diện tích sử dụng là 5.105m^2 , trong đó:

- Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy: 3.010m^2 , gồm:

+ Phòng học lý thuyết: 25 phòng với diện tích là 2.000m^2 .

+ Phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy: 08 phòng với diện tích là 1.010m^2 .

- Diện tích thư viện: 50m^2 , đã có phần mềm phục vụ việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu với 100 số đầu sách, giáo trình, bài giảng của các môn, tín chỉ, học phần, môn học.

- Diện tích phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ: 80m^2 (01 Hiệu trưởng và 07 lãnh đạo các phòng, khoa), diện tích bình quân là $10\text{m}^2/\text{người}$.

- Diện tích công trình xây dựng phục vụ các hoạt động khác (hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ): 1.965m^2 .

Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị Định Số 143/2016/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ: tổng diện tích của phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho giảng dạy, học tập của Trường: 3.010m^2 . Diện tích bình quân phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thí nghiệm/phòng thực hành, thực tập dùng cho giảng dạy, học tập của Trường: $3.010\text{m}^2 \times 3\text{ca}/929\text{ học sinh, sinh viên} = 9,7\text{m}^2/\text{chỗ học}$ là đảm bảo theo quy định (tại thời điểm thanh tra, Trường đang tổ chức đào tạo tại cơ sở đào tạo này là 929 học sinh, sinh viên trong đó có 180 học sinh, sinh viên chuyển từ năm 2021 sang, trường bố trí học sinh, sinh viên học 03 ca).

c) Tại địa điểm liên kết đào tạo (địa chỉ: Lô NT02, khu đô thị mới Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội), diện tích sử dụng là 5.000m^2 , trong đó:

- Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy: 4.025 m², gồm:

+ Phòng học lý thuyết: 34 phòng với diện tích là 2.300 m².

+ Phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy: 15 phòng với diện tích là 1.725 m².

- Diện tích thư viện: 100 m², đã có phần mềm phục vụ việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu với 150 số đầu sách, giáo trình, bài giảng của các môn, tín chỉ, học phần, môn học.

- Diện tích phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ: 100 m² (lãnh đạo các phòng, khoa có 10 người), diện tích bình quân là 10 m²/người.

- Diện tích các công trình xây dựng phục vụ các hoạt động khác (hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ): 775 m².

Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP: tổng diện tích của phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho giảng dạy, học tập của Trường: 4.025 m². Diện tích bình quân phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thí nghiệm/phòng thực hành, thực tập dùng cho giảng dạy, học tập của Trường: 4.025 m² x 2ca/407 học sinh, sinh viên = 19,77 m²/chỗ học, đảm bảo theo quy định (tại thời điểm thanh tra, Trường đang tổ chức đào tạo tại cơ sở liên kết đào tạo này là 407 học sinh, sinh viên với 02 ca học).

2. Trang thiết bị đào tạo

Tại thời điểm thanh tra, Trường đào tạo 14 ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, gồm: Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm), Thiết kế trang web, Thiết kế đồ họa, Tiếng Hàn Quốc, Tài chính doanh nghiệp, Quản lý công nghiệp, Chăm sóc sắc đẹp, Nghiệp vụ bán hàng, Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ, Quản trị khách sạn, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Nhật, Phiên dịch tiếng Anh thương mại, Marketing.

Kiểm tra xác suất thiết bị đào tạo 02 ngành, nghề (Chăm sóc sắc đẹp trình độ cao đẳng và Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng): căn cứ quy định tại Thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 41 ngành, nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH) và Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 98 ngành, nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH), kết quả:

- Đối với ngành/ngành Chăm sóc sắc đẹp (trình độ cao đẳng):

+ Phòng thực hành máy vi tính: có 29/29 thiết bị, dụng cụ tối thiểu thuộc 02 phòng máy tính dùng chung với các ngành/ngành khác (đạt 100%).

+ Phòng học ngoại ngữ: có 48/48 thiết bị, dụng cụ tối thiểu (đạt 100%).

+ Phòng kỹ thuật cơ sở: có 15/15 thiết bị, dụng cụ tối thiểu (đạt 100%).

+ Phòng thực hành chăm sóc da: có 220/235 thiết bị, dụng cụ tối thiểu (đạt 93,6%); thiếu 15 thiết bị, dụng cụ gồm: 01 máy soi da, 02 máy khử trùng dụng cụ, 02 máy xông hơi, 02 máy triệt lông, 02 nồi đun sáp, 04 máy lắc keo, 02 cốp đựng đồ nối mi.

+ Phòng thực hành móng: 308/325 thiết bị, dụng cụ tối thiểu (đạt 94,7%), thiếu 17 thiết bị, dụng cụ, gồm: 02 máy hơ gell, 02 máy mài móng, 03 ghế bồn ngâm chân, 05 mô hình bàn tay giả, 05 dụng cụ loại bỏ da chết.

+ Phòng thực hành trang điểm: 124/124 thiết bị, dụng cụ tối thiểu (đạt 100%).

- Ngành/ngành Công nghệ thông tin (trình độ cao đẳng):

+ Phòng kỹ thuật cơ sở: có 20/22 thiết bị, dụng cụ tối thiểu đạt (90,9%), thiếu 01 kính bảo hộ, 01 ủng cao su.

+ Phòng thực hành máy vi tính: có 29/29 thiết bị, dụng cụ (02 phòng máy tính dùng chung với các ngành/ngành khác) tối thiểu (đạt 100%).

+ Phòng thực hành phần cứng máy tính: có 112/122 thiết bị, dụng cụ tối thiểu (đạt 91,8%); thiếu 10 thiết bị, dụng cụ, gồm: 06 thảm cách điện, 01 mỏ hàn xung, 01 mỏ hàn kim loại, 02 kính lúp.

+ Phòng thực hành mạng máy tính: có 137/137 thiết bị, dụng cụ tối thiểu (đạt 100%).

+ Phòng thực hành phần mềm: có 49/49 thiết bị, dụng cụ tối thiểu (đạt 100%).

3. Đội ngũ nhà giáo

3.1. Cán bộ quản lý

Tổng số cán bộ quản lý: 18 người, trong đó:

- Ban giám hiệu: 01 người (Hiệu trưởng).

- Lãnh đạo các phòng, khoa: 17 người.

3.2. Đội ngũ nhà giáo

- Tổng số nhà giáo: 108 người, trong đó:

+ Nhà giáo cơ hữu: 67 người.

+ Nhà giáo thỉnh giảng: 41 người.

- Về tiêu chuẩn, điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo:

+ Về trình độ chuyên môn, kỹ thuật: 108/108 giáo viên, giảng viên giảng dạy lý thuyết, thực thành, tích hợp đảm bảo có bằng cử nhân trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

+ Về kỹ năng nghề: 61/70 giáo viên, giảng viên dạy thực hành/tích hợp không có chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH) và khoản 7 Điều 1 Thông tư số

21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH (sau đây gọi tắt là Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH).

(chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

+ Về năng lực nghiệp vụ sư phạm dạy nghề: 108/108 nhà giáo đáp ứng đủ điều kiện về nghiệp vụ sư phạm dạy nghề.

- Quy định về định mức giờ giảng, thời gian nghỉ hàng năm:

+ Trường áp dụng định mức giờ giảng đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng là 450 giờ/năm và 510 giờ/năm đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp.

+ Thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần, 44 tuần/năm.

+ Kiểm tra định mức giờ giảng của 67 nhà giáo cơ hữu năm học 2022 - 2023, kết quả có 67/67 nhà giáo cơ hữu đảm bảo định mức giờ giảng là 450 giờ/năm theo đúng quy định. Trường đã ký hợp đồng với nhà giáo thỉnh giảng, thời gian làm việc, hạn mức giờ thỉnh giảng đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp theo số giờ giảng dạy thực tế đã được xây dựng trong kế hoạch đào tạo của Trường không vượt định mức quy định.

- Hằng năm, Trường đã xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo; đã tổ chức cho đội ngũ nhà giáo nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thực tập tại doanh nghiệp và các cơ quan chuyên môn để nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động của nhà giáo.

4. Về chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo

4.1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

- Đã xây dựng, thẩm định, ban hành 19 chương trình đào tạo ngành, cụ thể:

+ Trình độ cao đẳng: 14 chương trình, gồm các ngành, nghề: Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm), Thiết kế trang web, Thiết kế đồ họa, Tiếng Hàn Quốc, Tài chính doanh nghiệp, Quản lý công nghiệp, Chăm sóc sắc đẹp, Nghiệp vụ bán hàng, Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ, Quản trị khách sạn, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Nhật, Phiên dịch tiếng Anh thương mại, Marketing.

+ Trình độ trung cấp: 05 chương trình, gồm các ngành, nghề: Công nghệ thông tin, Quản trị khách sạn, Chăm sóc sắc đẹp, Nghiệp vụ bán hàng, Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.



(Handwritten signature)

Trường đã ban hành các quyết định thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, quyết định ban hành chương trình đào tạo; đã thực hiện theo quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo. Tuy nhiên thành phần của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo không có đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH).

(Danh sách các quyết định ban hành chương trình đào tạo tại Phụ lục số 2 kèm theo Kết luận thanh tra này)

- Việc sử dụng chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác ban hành: không sử dụng.

b) Chương trình đào tạo liên thông: không.

4.2. Về giáo trình đào tạo

- Trường đã tổ chức xây dựng, biên soạn 574 giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng; 122 giáo trình đào tạo trình độ trung cấp. Trường đã ban hành quyết định thành lập Tổ biên soạn, Tổ thẩm định giáo trình đào tạo, quyết định ban hành để đưa giáo trình đào tạo vào sử dụng theo quy định.

(Danh sách các Quyết định ban hành giáo trình theo Phụ lục số 03 kèm theo Kết luận này)

- Số giáo trình đào tạo lựa chọn sử dụng do cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác ban hành: không.

5. Công tác tuyển sinh

- Đã xây dựng quy chế tuyển sinh theo quy định (Quyết định số 21/2022/QĐ-CĐVM ngày 21/02/2022 về việc ban hành quy chế tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 18/2023/QĐ-CĐVM ngày 03/2/2023 về việc ban hành quy chế tuyển sinh năm 2023).

Nội dung quy chế tuyển sinh đảm bảo theo quy định (ngành, nghề đào tạo; thời gian tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh; hình thức tuyển sinh; chính sách ưu tiên tuyển sinh; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo; khen thưởng, kỷ luật).

- Hằng năm, Hiệu trưởng đã thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban phúc tra, thành phần của Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh đảm bảo theo quy định (Quyết định số 22/2022/QĐ-CĐVM ngày 25/02/2022 về việc thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2022, Quyết

định số 19/2023/QĐ-CĐVM ngày 10/02/2023 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2023). Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi: không phát sinh, lý do Trường tuyển sinh theo hình thức xét tuyển.

- Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển: Trường đã ban hành thông báo tuyển sinh, phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp và đăng tải tại trang thông tin điện tử của Trường (www.caodangvietmyhanoi.edu.vn). Qua kiểm tra đối chiếu 10 hồ sơ học sinh, sinh viên của người học, kết quả: có 10/10 hồ sơ tuyển sinh của người học (có bản sao giấy khai sinh, giấy triệu tập trúng tuyển, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, học bạ trung học phổ thông, giấy khám sức khỏe, phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp) được lưu trữ theo quy định.

- Hình thức tuyển sinh: Trường áp dụng hình thức xét tuyển.

- Kết quả tuyển sinh: theo báo cáo của Trường, tính đến tháng 12/2023, Trường đã tuyển sinh được 1.156 người, trong đó: trình độ cao đẳng 924 người, trình độ trung cấp 232 người, cụ thể:

+ Tại địa điểm đào tạo: phố Trịnh Văn Bô, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội:

STT	Tên ngành/ngành đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo	Kết quả tuyển sinh	
				Năm 2022	Năm 2023
1	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	25	Cao đẳng	62	61
		25	Trung cấp	22	25
2	Thiết kế trang web	25	Cao đẳng	25	35
3	Thiết kế đồ họa	25	Cao đẳng	63	62
4	Tiếng Hàn Quốc	30	Cao đẳng	30	33
5	Tài chính doanh nghiệp	20	Cao đẳng	20	22
6	Quản lý công nghiệp	20	Cao đẳng	0	22
7	Quản trị khách sạn	25	Trung cấp	41	20
8	Chăm sóc sắc đẹp	20	Cao đẳng	48	22
		30	Trung cấp	10	25
9	Nghiệp vụ bán hàng	25	Trung cấp	23	26
10	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	25	Trung cấp	31	21
Tổng		275		375	374

Các ngành/ngành tuyển sinh vượt quá tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề mã cấp III hoặc giữa các nghề trình độ sơ cấp có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp hoặc giữa các nghề trình độ sơ cấp trong cùng nhóm nghề đào tạo trình độ sơ cấp tại từng địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm:

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm (ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp)	Trình độ đào tạo	Tuyển sinh năm 2022		Tuyển sinh năm 2023	
					Tổng số	Tỉ lệ % vượt	Tổng số	Tỉ lệ % vượt
I	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin							
1	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6840202	25	Cao đẳng			61	
		5840202	25	Trung cấp				
2	Thiết kế trang web	6480214	25	Cao đẳng			35	
			Tổng quy mô tuyển sinh/năm của Trường (sau linh hoạt): 75				Tổng tuyển sinh năm 2023 của Trường (sau linh hoạt): 96	28
II	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật ứng dụng							
1	Thiết kế đồ họa	6210402	25	Cao đẳng	63	152	62	148
III	Nhóm ngành nghề Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài							
1	Tiếng Hàn Quốc	6220211	30	Cao đẳng			33	10
IV	Nhóm ngành, nghề Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm							
1	Tài chính doanh nghiệp	6340201	20	Cao đẳng			22	10
V	Nhóm ngành, nghề Quản lý công nghiệp							
1	Quản lý công nghiệp	6510601	20	Cao đẳng			22	10
VI	Nhóm ngành, nghề Khách sạn, nhà hàng							
	Quản trị khách sạn	5810201	25	Trung cấp	41			
VII	Nhóm ngành, nghề Dịch vụ thẩm mỹ							
1	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	20	Cao đẳng	48	140	22	10
		5810404	30	Trung cấp				

VIII	Nhóm ngành, nghề Kinh doanh						
1	Nghiệp vụ bán hàng	5340119	25	Trung cấp		26	4
IX	Nhóm ngành, nghề Quản trị - Quản lý						
1	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	5340417	25	Trung cấp	31	24	

+ Tại địa điểm liên kết đào tạo: Lô NT2 khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

STT	Tên ngành/ngành đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo	Kết quả tuyển sinh	
				2022	Năm 2023
1	Nghiệp vụ bán hàng	50	Cao đẳng	0	49
2	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	50	Cao đẳng	0	37
3	Quản trị khách sạn	50	Cao đẳng	0	36
4	Tiếng Trung Quốc	70	Cao đẳng	0	75
5	Tiếng Nhật	70	Cao đẳng	0	71
6	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	75	Cao đẳng	0	67
7	Marketing	75	Cao đẳng	0	72
	Tổng	740			407

Các ngành/ngành tuyển sinh vượt quá tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề mã cấp III hoặc giữa các nghề trình độ sơ cấp có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp hoặc giữa các nghề trình độ sơ cấp trong cùng nhóm nghề đào tạo trình độ sơ cấp tại từng địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm:

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo	Năm 2023	Tỉ lệ % vượt
1	Tiếng Trung Quốc	6220209	70	Cao đẳng	75	7%
2	Tiếng Nhật	6220212	70	Cao đẳng	71	1%

- Báo cáo kết quả tuyển sinh: hàng năm Trường đã báo cáo kết quả tuyển sinh đến cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

- Đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh: hàng năm, Trường đã đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định.

6. Công tác đào tạo

6.1. Xây dựng quy chế đào tạo và thông báo công khai các nội dung về đào tạo

- Đã ban hành quy chế đào tạo: Quyết định số 584/2022/QĐ-CĐVM ngày 15/5/2022 của Hiệu trưởng.

- Các nội dung công khai trước khi bắt đầu khóa học: Quy chế đào tạo, Kế hoạch đào tạo toàn khóa, Kế hoạch năm học, Kế hoạch học kỳ, Thời khóa biểu, Danh sách sinh viên, hình thức tổ chức đào tạo, chương trình đào tạo.

6.2. Kết quả đào tạo

- Tại trụ sở chính (Khu đô thị bắc Cổ Nhuế - Chèm, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội): không đào tạo.

- Tại địa điểm đào tạo (phố Trịnh Văn Bô, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội): tại thời điểm ngày 15/01/2024, Trường đang tổ chức đào tạo 37 lớp cho 749 học sinh, sinh viên.

Kết quả kiểm tra đối với đào tạo lý thuyết, đào tạo thực hành: đã bố trí đủ giáo viên (giáo viên dạy lý thuyết, thực hành), đồ dùng học tập, cơ sở vật chất để đào tạo. Có 02 lớp học lý thuyết vượt quá quy mô lớp học theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐBXH), gồm:

STT	Tên lớp học	Tại thời điểm 15/01/2024		
		Số học sinh, sinh viên/ lớp học lý thuyết	Số học sinh, sinh viên vượt quy mô	Tỷ lệ % vượt quy mô
1	Lớp Ứng dụng phẩm mềm UDPM22-02	37 sinh viên	2	5,7
2	Thiết kế đồ họa TKDDH22-02	38 học sinh	3	8,5

6.3. Việc liên kết đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông

- Liên kết đào tạo: tại thời điểm ngày 15/01/2024, Trường là đơn vị chủ trì phối hợp với Trường Mầm non VIETKIDS liên kết đặt lớp đào tạo 12 lớp cho 407 học sinh, sinh viên.

Kết quả kiểm tra đối với đào tạo lý thuyết, đào tạo thực hành tại địa điểm liên kết: đã bố trí đủ giáo viên (giáo viên dạy lý thuyết, thực hành), đồ dùng học tập, cơ sở vật chất để đào tạo. Có 06 lớp học lý thuyết vượt quá quy mô lớp học theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐBXH, gồm:

STT	Tên lớp học	Tại thời điểm 15/01/2024		
		Số học sinh, sinh viên/ lớp học lý thuyết	Số học sinh, sinh viên vượt quy mô	Tỷ lệ % vượt quy mô
1	Lớp Quản trị doanh nghiệp	37 sinh viên	2	5,7

	vừa và nhỏ QTDN23-01			
2	Lớp Quản trị khách sạn	36 sinh viên	1	2,8
3	Lớp Tiếng Trung Quốc TT23-01:	38 sinh viên	3	8,5
4	Lớp Tiếng Trung Quốc TT23-02	37 sinh viên	2	5,7
5	Lớp Tiếng Nhật TN23-01	37 sinh viên	2	5,7
6	Marketing MKT23-01	37 sinh viên	2	5,7

+ Liên kết đào tạo do cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp bằng, chứng chỉ cho người học: Trường tổ chức liên kết đào tạo từ tháng 12/2023 do đó đến thời điểm thanh tra chưa có học sinh, sinh viên tốt nghiệp.

+ Liên kết đào tạo do cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác cấp bằng, chứng chỉ cho người học: không.

- Việc tổ chức đào tạo liên thông: không.

6.4. Việc kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho người học

- Việc triển khai thực hiện (thành lập hội đồng thi, kiểm tra, công tác ra đề thi, kiểm tra, công tác chấm thi...)

Kiểm tra xác suất việc tổ chức thi kết thúc các môn học học kỳ 3, năm học 2022-2023, Trường đã thực hiện: công tác chuẩn bị ra đề thi (Công văn số 24/KT-CĐVMHN ngày 24/6/2023 gửi các Khoa ngành về việc biên soạn, nộp đề và duyệt đề thi), thành lập hội đồng tổ chức thi (Quyết định số 107/2023/QĐ-CĐVM ngày 10/7/2023 về việc thành lập Hội đồng tổ chức thi học kỳ III năm học 2022-2023), kế hoạch tổ chức thi (Kế hoạch số 147/2023/KH-CĐVMHN ngày 14/7/2023 về tổ chức thi học kỳ III năm học 2022-2023), phân công cán bộ trực thi, giám sát thi (Bảng phân công cán bộ trực thi, giám sát thi lần 1, học kỳ 3 năm học 2022-2023 ngày 15/7/2023), lịch thi (Lịch thi lần 1, học kỳ 3 năm học 2022-2023 ngày 14/7/2023). Đối với lớp Ứng dụng phần mềm UDPM22-01, Trường đã lưu trữ đầy đủ hồ sơ theo quy định (Phiếu báo điều kiện dự thi, kiểm tra kết thúc môn; Danh sách sinh viên dự thi, kiểm tra kết thúc môn; Biên bản coi thi, kiểm tra kết thúc môn; Bảng điểm).

- Kết quả kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho người học: Trong thời kỳ thanh tra, tại Trường chưa có học sinh, sinh viên tốt nghiệp.

7. Công tác giáo vụ

- Việc quản lý, sử dụng sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo: đã ban hành biểu mẫu hồ sơ, sổ sách quản lý đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng dành cho Trường (Quyết định số 173/2022/QĐ-CĐVM ngày 02/6/2022), các biểu mẫu gồm Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo, Thời khóa biểu, Sổ lên lớp, Sổ quản lý học sinh, sinh viên, Sổ cấp bằng tốt nghiệp, đảm bảo đủ biểu mẫu theo quy định; đã ban hành biểu mẫu hồ sơ, sổ sách dành cho giáo viên, giảng viên (Quyết định

số 202/2022/QĐ-CDVM ngày 20/7/2022), các biểu mẫu gồm Kế hoạch giảng dạy, Giáo án, Sổ tay giáo viên, đảm bảo đủ biểu mẫu theo quy định.

- Việc ghi chép sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo liên quan đến lớp Ứng dụng phần mềm UDPM 22-01:

+ Đối với Chương trình đào tạo: Trường sử dụng Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) do Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội (nay đổi tên thành Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội) ban hành theo Quyết định số 235/2021/QĐ-HNET ngày 25/01/2021, nội dung chương trình đào tạo đảm bảo theo quy định.

+ Tại Sổ lên lớp học kỳ 3 lớp Ứng dụng phần mềm UDPM22-01: đủ các nội dung theo quy định.

+ Tại Giáo án tích hợp môn Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: đảm bảo đủ kế hoạch giảng dạy của giảng viên đối với nội dung giảng dạy tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

8. Công tác quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ

Trong thời kỳ thanh tra, tại Trường chưa có học sinh, sinh viên tốt nghiệp, theo kế hoạch đào tạo, dự kiến quý II/2024, Trường thực hiện việc in ấn, phê duyệt, báo cáo mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật GDNN đã được Trường thực hiện

1.1. Công ty Cổ phần Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội là thành viên sở hữu Trường, chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn Hội đồng quản trị theo quy định.

1.2. Đã xây dựng và ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của Trường theo quy định.

1.3. Đã ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường. Hiệu trưởng đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, đã được đào tạo nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

1.4. Diện tích đất sử dụng chung toàn Trường 24.862 m², đảm bảo diện tích đất sử dụng đối với trường cao đẳng thuộc khu vực đô thị.

1.5. Tổng các hạng mục công trình xây dựng có diện tích 10.105 m² đảm bảo đủ diện tích bình quân theo quy định (diện tích bình quân khu hiệu bộ, khu hành chính và diện tích bình quân phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thực tập dùng cho giảng dạy, học tập); đã có thư viện, các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và y tế để phục vụ cán bộ quản lý, giảng viên, giảng viên và học sinh.

1.6. Đã bố trí đầy đủ trang thiết bị đào tạo của Phòng thực hành máy vi

tính, Phòng học ngoại ngữ, Phòng kỹ thuật cơ sở, Phòng thực hành trang điểm đối với ngành/ngành Chăm sóc sắc đẹp trình độ cao đẳng; Phòng thực hành máy vi tính, Phòng thực hành mạng máy tính, Phòng thực hành phần mềm đối với Ngành/ngành Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng.

1.7. Đã bố trí 108/108 giáo viên, giảng viên giảng dạy lý thuyết, thực thành, tích hợp đảm bảo có bằng cử nhân trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; 108/108 nhà giáo đáp ứng đủ điều kiện về nghiệp vụ sư phạm dạy nghề.

1.8. Đã ban hành quy định về chế độ làm việc và định mức giờ giảng đối với nhà giáo; đã bố trí nhà giáo giảng dạy đảm bảo định mức giờ giảng theo quy định; thực hiện thời gian nghỉ hằng năm cho nhà giáo theo quy định.

1.9. Đã xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo; đã tổ chức cho đội ngũ nhà giáo nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thực tập tại doanh nghiệp và các cơ quan chuyên môn để nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động của nhà giáo.

1.10. Đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành 19 chương trình đào tạo; đã ban hành các quyết định thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, quyết định ban hành chương trình đào tạo. Trường đã thực hiện theo quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

1.11. Đã ban hành quyết định thành lập Tổ biên soạn, Tổ thẩm định giáo trình đào tạo, quyết định ban hành giáo trình đào tạo theo quy định.

1.12. Đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh, nội dung quy chế tuyển sinh đảm bảo theo quy định.

1.13. Đã thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban phúc tra. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh đảm bảo theo quy định.

1.14. Đã ban hành thông báo tuyển sinh, phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp và đăng tải tại trang thông tin điện tử của Trường (www.caodangvietmyhanoi.edu.vn). Hồ sơ tuyển sinh của người học có bản sao hợp lệ giấy khai sinh, giấy triệu tập trúng tuyển, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, học bạ trung học phổ thông, giấy khám sức khỏe, phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ theo quy định.

1.15. Trường áp dụng hình thức tuyển sinh xét tuyển, kết quả tuyển sinh: tính đến hết tháng 12/2023, Trường đã tuyển sinh được 1.156 người, trong đó: trình độ cao đẳng 924 người, trình độ trung cấp 232 người.

1.16. Đã báo cáo kết quả tuyển sinh đến cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

1.17. Đã đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định.

1.18. Đã ban hành quy chế đào tạo; công khai các nội dung trước khi bắt đầu khóa học (quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo toàn khóa, kế hoạch năm học, kế hoạch học kỳ, thời khóa biểu, danh sách sinh viên đầu khóa, hình thức tổ chức đào tạo, chương trình đào tạo).

1.19. Đã thành lập hội đồng thi, kiểm tra, công tác ra đề thi, kiểm tra, công tác chấm thi và tổ chức thực hiện đúng quy định.

1.20. Đã ban hành biểu mẫu hồ sơ, sổ quản lý đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định; đã ghi chép sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo theo quy định.

2. Những quy định pháp luật GDNN chưa được Trường thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Thiếu 32/686 thiết bị đào tạo ngành Chăm sóc sắc đẹp trình độ cao đẳng (chiếm 4,6%) theo quy định tại Thông tư số 15/2020/TT-BLĐT BXH (*chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo*).

2.2. Thiếu 12/408 thiết bị đào tạo ngành kỹ thuật chế biến món ăn trình độ trung cấp (chiếm 2,94%) theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BLĐT BXH (*chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo*).

2.3. Có 61 giáo viên, giảng viên dạy thực hành/tích hợp chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐT BXH và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BLĐT BXH (*chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo*).

2.4. Thành phần của Hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo không có đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH.

2.5. Tuyển sinh vượt quá tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề mã cấp III hoặc giữa các nghề trình độ sơ cấp có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp hoặc giữa các nghề trình độ sơ cấp trong cùng nhóm nghề đào tạo trình độ sơ cấp tại từng địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cụ thể nêu tại mục 5 Phần II Kết luận này.

2.6. Bố trí lớp học lý thuyết vượt quá quy mô theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐT BXH, cụ thể nêu tại điểm 6.2, 6.3 mục 6 Phần II Kết luận này.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Ngày 30/01/2024, Chánh thanh tra Bộ LĐT BXH đã ban hành Quyết định

xử phạt vi phạm hành chính số 18/QĐ-XPVPHC đối với Trường, tổng số tiền xử phạt là 112.500.000 đồng với hành vi sử dụng nhà giáo, người dạy không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ để giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và hành vi không đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp khi tuyển sinh nhóm ngành nghề Công nghệ thông tin và nhóm ngành, nghề Mỹ thuật ứng dụng vượt quá tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề mã cấp III tại địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; hình thức xử phạt bổ sung: đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn 02 tháng đối với nhóm ngành nghề Công nghệ thông tin và 04 tháng đối với nhóm ngành, nghề Mỹ thuật ứng dụng.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối Hiệu trưởng Trường Cao Việt Mỹ Hà Nội

1.1. Bố trí đầy đủ thiết bị đào tạo ngành Chăm sóc sắc đẹp trình độ cao đẳng theo quy định tại Thông tư số 15/2020/TT-BLĐT BXH.

1.2. Bố trí đầy đủ thiết bị đào tạo ngành kỹ thuật chế biến món ăn trình độ trung cấp theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BLĐT BXH.

1.3. Sử dụng giáo viên, giảng viên dạy thực hành/tích hợp đáp ứng đủ điều kiện về kỹ năng nghề theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐT BXH và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BLĐT BXH.

1.4. Thành phần của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo phải đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH.

1.5. Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Luật giáo dục nghề nghiệp.

1.6. Bố trí lớp học lý thuyết không được vượt quá quy mô 35 người học/lớp theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐT BXH.

2. Đối với Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn Trường Cao Việt Mỹ Hà Nội đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp do tuyển sinh nhóm ngành nghề Công nghệ thông tin và nhóm ngành, nghề Mỹ thuật ứng dụng vượt quá tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề mã cấp III tại địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; trường hợp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp thì buộc giảm số lượng chỉ tiêu tuyển sinh của năm sau tối thiểu bằng số lượng tuyển sinh vượt quá quy mô đối với nhóm ngành nghề Công nghệ thông tin và nhóm ngành, nghề Mỹ thuật ứng dụng; khắc phục những sai phạm đã nêu tại khoản 2.5 mục 2 phần III Kết luận thanh tra này.

VI. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội niêm yết Kết luận thanh tra này tại tru

sở làm việc của Trường trong thời gian ít nhất là 15 ngày liên tục; thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần V Kết luận thanh tra này và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện (kèm tài liệu minh chứng) về Thanh tra Bộ LĐTBXH, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 28/02/2024./.

Nơi nhận:

- Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tấn Dũng (để b/c);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- UBND thành phố Hà Nội (để chỉ đạo t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp